

# Giác hút chân không ESS-10-BS

Số bộ phận: 189376

FESTO



## Bảng dữ liệu

| Đặc tính                            | Giá trị                                                     |
|-------------------------------------|-------------------------------------------------------------|
| Độ bù chiều cao cốc hút             | 4 mm                                                        |
| Bán kính phôi tối thiểu             | 20 mm                                                       |
| Chiều rộng định mức                 | 2 mm                                                        |
| đường kính cốc hút                  | 10 mm                                                       |
| Thể tích cốc hút                    | 0.38 cm <sup>3</sup>                                        |
| Vị trí kết nối                      | bên trên                                                    |
| Vị trí lắp đặt                      | bất kì                                                      |
| Phân bố Giác hút có giá đỡ          | Kích thước 3                                                |
| Hình dạng giác hút                  | ống thổi gấp tròn 1,5 lần                                   |
| Áp suất vận hành                    | -95 kPa...0 kPa<br>-0.95 bar...0 bar<br>-13.775 psi...0 psi |
| Áp suất làm việc danh nghĩa         | -70 kPa                                                     |
| Áp suất vận hành định mức           | -0.7 bar                                                    |
| định mức áp suất làm việc           | -10.15 psi                                                  |
| Môi chất vận hành                   | khí quyển dựa trên ISO 8573-1: 2010 [7: -: -]               |
| Lớp chống ăn mòn KBK                | 1 - ứng suất ăn mòn thấp                                    |
| Tuân thủ LABS                       | VDMA24364 Vùng III                                          |
| Phù hợp với thực phẩm               | xem thông tin tài liệu bổ sung                              |
| Nhiệt độ môi trường xung quanh      | -30 °C...180 °C                                             |
| Lực giữ ở áp suất vận hành định mức | 4.7 N                                                       |
| Lực đẩy ở áp suất vận hành định mức | 2.5 N                                                       |
| trọng lượng sản phẩm                | 1.8 g                                                       |
| Kiểu gắn                            | Qua cổng nối chân không                                     |
| Giác hút chân không                 | M4                                                          |
| Màu sắc                             | trong suốt                                                  |
| Độ cứng Shore                       | 50 +/- 5                                                    |
| Vật liệu ngỗng vận vít              | Đồng thau mạ niken                                          |

| Đặc tính          | Giá trị        |
|-------------------|----------------|
| Ghi chú vật liệu  | Tuân thủ RoHS  |
| Vật liệu giác hút | VMQ (Silicone) |